

QUYẾT ĐỊNH

Duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cảng tổng hợp và Dịch vụ kho bãi tại xã Phú Hữu, huyện Nhơn Trạch

(Quy mô: khoảng 33,69 ha; Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Thương mại và Dầu khí Thái Bình Dương)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 445/2016/QĐ.TTg ngày 22/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị mới Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050;

Xét hồ sơ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cảng tổng hợp và Dịch vụ kho bãi tại xã Phú Hữu, huyện Nhơn Trạch lập tháng 2/2017;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 54/TTr-SXD ngày 15/3/2017 và Văn bản số 1185/SXD-QLQH ngày 25/4/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cảng tổng hợp và Dịch vụ kho bãi tại xã Phú Hữu, huyện Nhơn Trạch với các nội dung chính sau:

1. Phạm vi ranh giới:

Xác định theo Trích lục và Biên vẽ khu đất bản đồ địa chính số 22/2015-TLCT, tỷ lệ 1/1000 do Công ty TNHH Đo đạc và Xây dựng Nam Việt Phát thiết lập ngày 01/7/2015, được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai xác nhận ngày 09/7/2015; phạm vi giới hạn như sau:

- Phía Đông : Giáp đường liên cảng.
- Phía Tây : Giáp sông Nhà Bè.
- Phía Nam : Giáp dự án Cảng tổng hợp Bến Nghé.
- Phía Bắc : Giáp dự án cảng Bông Sen.

2. Quy mô lập quy hoạch:

- Quy mô diện tích : Khoảng 33,69 ha.
- Tỷ lệ lập quy hoạch : 1/500.

3. Tính chất, mục tiêu:

- Tính chất: Là khu cảng tổng hợp phục vụ các hoạt động cung cấp giao nhận và vận chuyển hàng hóa trong khu vực và dịch vụ; được đầu tư xây dựng mới, đồng bộ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo các quy định về vệ sinh môi trường; khoảng cách ly an toàn phòng chống cháy nổ, an toàn an ninh hàng hải. Được tổ chức gồm các khu chức năng sau: Khu kho chứa nguyên liệu, kho bãi hàng hóa các loại, bãi container; khu điều hành dịch vụ, khu phụ trợ; khu xử lý nước thải; khu cây xanh cách ly, khu cây xanh - sân tập TĐTT; hệ thống bến bãi đậu xe, đường giao thông.

- Mục tiêu: Cụ thể hóa điều chỉnh quy hoạch chung đô thị mới Nhơn Trạch được duyệt; Xác định vai trò, tính chất, quy mô, cơ cấu phân khu chức năng sử dụng đất; Tạo môi liên kết, sự thống nhất trong quản lý cũng như tổ chức quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan; Tạo cơ sở pháp lý cho việc tiến hành triển khai đầu tư và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

Tuân thủ theo quy chuẩn, quy phạm Việt Nam hiện hành, cụ thể như:

a) Tỷ lệ sử dụng đất:

- Đất dịch vụ điều hành : $\geq 02\%$.
- Đất kho bãi chứa hàng hoá : $\leq 50\%$.
- Đất cây xanh - TĐTT : $\geq 20\%$.
- Đất hạ tầng (xử lý nước thải, cấp phát nhiên liệu): $\geq 02\%$.
- Đất giao thông : 20 – 25%.

b) Mật độ xây dựng:

- Mật độ xây dựng toàn khu : $\leq 40\%$, trong đó:
- Khu dịch vụ điều hành : $\leq 40\%$.
- Khu kho bãi chứa hàng hoá : $\leq 50\%$.
- Khu xử lý nước thải, Trạm cấp phát nhiên liệu : $\leq 40\%$.
- Cây xanh + TĐTT, bãi đậu xe : $\leq 05\%$.

c) Tầng cao và chiều cao xây dựng công trình:

- Khu dịch vụ điều hành : ≤ 05 tầng, $\leq 24m$.
- Khu kho bãi chứa hàng hoá : 01– 02 tầng, $\leq 15m$.
- Trạm cấp phát nhiên liệu : 01 tầng, $\leq 12m$.
- Cây xanh + TĐTT, bãi đậu xe, trạm xử lý nước thải: 01 tầng, $\leq 07m$.

d) Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

- Chỉ tiêu cấp nước : $\geq 20m^3/ha/ngày$ đêm.
- Chỉ tiêu thoát nước : $\geq 80\%$ lượng nước cấp.
- Chỉ tiêu cấp điện : 50 – 120 KW/ha.

- Chỉ tiêu rác thải sinh hoạt : 01 – 1,2 kg/người.ngày.
- Chỉ tiêu rác thải công nghiệp : 0,3 tấn/ha.
- Thông tin liên lạc : 01 máy/02 người.

5. Quy hoạch sử dụng đất, phân khu chức năng:

a) Tỷ lệ cơ cấu quy hoạch sử dụng đất:

Stt	Hạng mục	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)
1	Đất dịch vụ điều hành	A	0,74	2,2
	- Nhà văn phòng, nhà bảo vệ,...	A1	0,74	2,2
2	Đất kho bãi chứa hàng hoá	B, C, D	16,79	49,8
	- Đất kho chứa hàng hóa	B1,B2	4,65	13,8
	- Đất kho chứa nguyên liệu	C1,C2	5,77	17,1
	- Đất kho bãi container	D1,D2	6,36	18,9
3	Đất cây xanh + Mặt nước		7,27	21,6
	- Cây xanh công viên	CX	6,87	20,4
	- Mặt nước	MN	0,41	1,2
4	Đất công trình đầu mối kỹ thuật	E	0,74	2,2
	- Khu xử lý nước thải	E2	0,11	0,3
	- Trạm cấp phát nhiên liệu	E1	0,63	1,9
5	Đất giao thông, bãi đậu xe		7,21	21,4
	- Đường giao thông		6,43	19,1
	- Bãi đậu xe	F	0,78	2,3
6	Đất đình Phước Lương	G	0,93	2,8
	Tổng		33,69	100,0

b) Quy hoạch phân khu chức năng:

Tổ chức giao thông bố trí theo hướng các đường xung quanh dự án, các đường nội khu kết nối đường trục chính và đường Liên cảng theo quy hoạch đảm bảo lưu thông thuận tiện, hình thành các khu chức năng quy hoạch chính sau:

- Đất khu dịch vụ điều hành: Diện tích là 0,74ha; gồm: nhà văn phòng, thư viện, trạm y tế, kho vật tư và các hạng mục công trình phụ trợ (gồm nhà bảo vệ, nhà xe, trạm điện, PCCC,...).

- Đất khu kho bãi chứa hàng hoá: Tổng diện tích khoảng 16,79ha; gồm: kho chứa hàng hoá, kho chứa nguyên liệu, kho bãi container...

- Đất công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật: Diện tích khoảng 0,74ha; gồm: trạm xử lý nước thải tại dải cây xanh phía Bắc giáp sông Nhà Bè và trạm cấp phát nhiên liệu (không có chức năng kinh doanh, chỉ phục vụ nhu cầu nhiên liệu cho các phương tiện ra vào cảng).

- Đất cây xanh + TĐTT, mặt nước: Tổng diện tích khoảng 7,27ha; gồm: hoa viên cây xanh thâm cỏ, sân thể dục thể thao, kênh liên hoàn...

- Đất giao thông, bãi đậu xe: Diện tích khoảng 7,21ha; gồm các đường nội khu kết nối đường trục chính và đường Liên cảng theo quy hoạch đảm bảo lưu thông thuận tiện và bãi đậu xe bố trí tiếp giáp đường trục chính tại cửa ngõ dự án.

- Đất đình Phước Lương: Tổ chức trên vị trí đình hiện hữu tại phía Bắc tiếp giáp sông Nhà Bè, diện tích khoảng 0,93ha. Đồng thời, bố trí đường giao thông tiếp cận, bãi đậu xe và cây xanh bao xung quanh, đảm bảo hoạt động đình Phước Lương, tăng diện tích cây xanh và cảnh quan cho toàn dự án.

c) Các chỉ tiêu Quy hoạch – Kiến trúc:

Stt	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	MĐXD (%)	Tầng cao	Lao động
1	Đất dịch vụ điều hành	A	7.389,6	40	≤ 5	100
1.1	-Nhà văn phòng, nhà bảo vệ	A1	7.389,6	40	≤ 5	
2	Đất kho bãi chứa hàng hoá	B,C,D	167.861,2	50	1-2	150
2.1	-Đất kho chứa hàng hóa 1	B1	14.789,9	50	1-2	
2.2	-Đất kho chứa hàng hóa 2	B2	31.746,8	50	1-2	
2.3	-Đất kho chứa nguyên liệu 1	C1	29.895,4	50	1-2	
2.4	-Đất kho chứa nguyên liệu 2	C2	27.817,9	50	1-2	
2.5	-Đất kho bãi container 1	D1	33.007,3	30	1	
2.6	-Đất kho bãi container 2	D2	30.603,9	30	1	
3	Đất công trình đầu môi KT	E	7.433,3	40	1	
3.1	-Khu xử lý nước thải	E2	1.149,0	40	1	
3.2	-Trạm cấp phát nhiên liệu	E1	6.284,3	40	1	
4	Đất cây xanh + mặt nước	CX	72.749,3	5	1	
4.1	-Đất cây xanh 1	CX1	16.330,1			
4.2	-Đất cây xanh 2	CX2	35.108,8			
4.3	-Đất cây xanh 3	CX3	7.178,8			
4.4	-Đất cây xanh 4	CX4	4.725,6			
4.5	-Đất cây xanh 5	CX5	5.328,4			
4.6	-Mặt nước	MN	4.077,6			
5	Đất giao thông		72.142,4		1	
	-Bãi đậu xe	F	7.806,9		1	
	-Giao thông		64.335,5			
6	Đất đình Phước Lương	G	9.331,0			
7	Tổng cộng		336.906,9			250

6. Tổ chức cảnh quan, thiết kế đô thị:

a) Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

Trên cơ sở quy hoạch chung thuộc lưu vực tiếp giáp sông Nhà Bè, tuyến đường đê Ông Kèo và kênh liên hoàn; tổ chức mở rộng tuyến đường đê Ông Kèo (lộ giới 20m) và cải tạo và mở rộng kênh liên hoàn không ảnh hưởng đến việc đi lại, vận chuyển nông sản; tạo khoảng cách ly an toàn, đảm bảo thoát nước cho dự án và các khu vực lân cận. Đồng thời, tổ chức hệ thống giao thông nội bộ và hoa viên cây xanh trải dài theo ranh, kết nối các dự án lân cận tạo không gian cảnh quan thống nhất; Nghiên cứu thiết kế các loại cây xanh tạo dáng đẹp, chống sạt lở bờ sông (loại cây đại thụ, tán rộng, rễ cọc).

b) Thiết kế đô thị:

- Tổ chức trục giao thông chính kết nối đường Liên cảng, bố trí công vào chính và khu dịch vụ điều hành có tầng cao xây dựng ≤ 05 tầng với hình khối kiến trúc hiện đại kết hợp các khoảng không gian cây xanh có diện tích đủ lớn tạo điểm nhấn cho dự án.

- Hoa viên cây xanh thâm cỏ, sân thể dục thể thao,.. được bố trí trải dài theo ranh dự án, dọc đường đê Ông Kèo; cải tạo và mở rộng kênh liên hoàn kết nối các dự án lân cận tạo sự liên tục và không gian cảnh quan thống nhất.

- Các khu kho chứa hàng hoá được quy hoạch, thiết kế với hình khối kiến trúc, độ cao, màu sắc, cao độ nền, kết cấu bao che công trình... hài hoà về hình thức tạo cảnh quan chung cho khu vực.

- Hệ thống tường chắn đất với kết cấu cọc ván BTCT đảm bảo chống sạt lở đất Khu vực tiếp giáp sông Nhà Bè.

c) Quy định về khoảng lùi công trình đối với các tuyến đường:

- Khoảng lùi đối với đường liên cảng : ≥ 20 m.
- Khoảng lùi đối với sông Nhà Bè : ≥ 50 m.
- Khoảng lùi đối với đường trục chính : ≥ 10 m.
- Khoảng lùi đối với trục đường nội bộ : ≥ 06 m.

d) Quy định về hình khối, màu sắc, hình thức kiến trúc của các công trình:

- Hình khối kiến trúc công trình: Phải tạo được không gian hài hoà và tạo được sự đồng bộ hợp lý (về hình thức mái, số tầng cao, khoảng lùi).

- Quy định về vật liệu xây dựng: Ưu tiên sử dụng vật liệu xây dựng địa phương, phù hợp với điều kiện khí hậu thổ nhưỡng của khu vực.

- Quy định về màu sắc trang trí mặt tiền: Sử dụng màu sắc tươi sáng, cùng tông màu hài hoà trên bề mặt công trình. Hạn chế dùng các màu tối, sẫm, gây cảm giác khó chịu về thị giác, nóng bức về cảm giác và gây tâm lý phản cảm.

- Về kiến trúc công trình và quản lý đầu tư xây dựng trong dự án được quy định cụ thể tại Quy định quản lý xây dựng kèm theo hồ sơ.

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Hệ thống giao thông:

Mạng lưới giao thông gồm các trục đường giao thông đối ngoại, đối nội được thiết kế lưu thông thuận tiện đảm bảo quy mô mặt cắt, độ dốc.

* *Giao thông đối ngoại:*

- Đường Liên cảng chạy dọc theo ranh phía Đông dự án có lộ giới 61m, gồm: Lòng đường 2 bên: $2 \times 15\text{m} = 30\text{m}$; Dải phân cách giữa 3m; Dải phân cách 2 bên: $2 \times 14\text{m} = 28\text{m}$.

- Đường song hành phía dự án có lộ giới 19m, gồm: Lòng đường 8m; Vía hè 1 bên 8m, 1 bên 3m.

* *Giao thông đối nội:* Gồm các đường nội khu kết nối đường trục chính theo quy hoạch với quy mô về lộ giới và mặt cắt như sau:

- Đường N2 nối giữa đường liên cảng và song nhà bè, gồm 2 đoạn:

+ Đoạn 1 - giáp đường Liên cảng (mặt cắt 1-1): Lộ giới 30m, gồm: Lòng đường 2 bên: $2 \times 8\text{m} = 16\text{m}$; Vía hè 2 bên: $2 \times 5\text{m} = 10\text{m}$; Dải phân cách 4m.

+ Đoạn 2 - giáp sông Nhà Bè (mặt cắt 2-2): Lộ giới 26m, gồm: Lòng đường 2 bên: $2 \times 8\text{m} = 16\text{m}$; Vía hè 2 bên: $2 \times 5\text{m} = 10\text{m}$.

- Đường D2 (mặt cắt 3-3): Lộ giới 20m, gồm: Lòng đường 2 bên: $2 \times 6\text{m} = 12\text{m}$; Vía hè 2 bên: $2 \times 4\text{m} = 8\text{m}$.

- Đường D3 chạy dọc theo đường Liên cảng, gồm 2 đoạn:

+ Đoạn 1 (mặt cắt 4-4): Lộ giới 17m, gồm: Lòng đường 2 bên: $2 \times 4\text{m} = 8\text{m}$; Vía hè 1 bên 5m, 1 bên 4m.

+ Đoạn 2 (mặt cắt 7-7): Lộ giới 28m, gồm: Lòng đường 2 bên: $2 \times 10\text{m} = 20\text{m}$; Vía hè 2 bên: $2 \times 4\text{m} = 8\text{m}$.

- Đường D1 (mặt cắt 5-5): Lộ giới 16m, gồm: Lòng đường 2 bên: $2 \times 4\text{m} = 8\text{m}$; Vía hè 2 bên: $2 \times 4\text{m} = 8\text{m}$.

- Đường N1 (mặt cắt 6-6): Lộ giới 14m, gồm: Lòng đường 2 bên: $2 \times 4\text{m} = 8\text{m}$; Vía hè 1 bên 4m, 1 bên 2m.

- Đường Bê tông xi măng (BTXM): Lộ giới 6m để phục vụ những dịp Tết, Lễ hội cho Đình Phước Lương.

- Từng tuyến đường cụ thể xem bản vẽ quy hoạch giao thông.

b) San nền và thoát nước mưa:

- San nền: Phạm vi dự án có địa hình tương đối thấp trũng so với khu vực (trung bình từ 0,8 - 1,2m), việc san nền tạo độ dốc tự nhiên; đảm bảo hợp lý, khớp nối cao độ và đảm bảo thoát nước chung cho toàn khu vực dự án.

- Hướng dốc san nền theo hướng từ Đông Nam xuống phía Tây Bắc, độ dốc san nền tối thiểu 0,4%.

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế tách riêng với hệ thống thoát nước thải. Các tuyến thoát nước xây dựng bằng cống tròn BTCT bố trí dưới vỉa hè dọc theo các trục đường với $\varnothing 400 - \varnothing 1200$. Độ sâu chôn cống bảo vệ cống $\geq 0,5\text{m}$.

- Hệ thống thoát nước mưa sẽ được chia ra làm nhiều khu vực nhỏ; hướng thoát nước chính từ Đông Nam xuống phía Tây Bắc; sau khi thu gom sẽ được xả vào tuyến kênh liên hoàn dọc theo đê Ông Kèo. từ đó dẫn vào hệ thống cửa xả

chung của toàn khu vực, thoát ra sông Nhà Bè. Các cửa xả Ø800, Ø1000 và Ø1200.

c) Hệ thống cấp nước:

- Nguồn nước lấy từ Nhà máy nước Nhơn Trạch tại xã Thiện Tân huyện Vĩnh Cửu thông qua Trạm bơm Đại Phước với công suất $Q = 2.800 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ dọc theo đường liên cảng bằng tuyến ống Ø200.

- Nhu cầu: Tổng nhu cầu dung nước $760 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Mạng lưới cấp nước: thiết kế mạng lưới đường ống cấp nước dạng mạch vòng khép kín đảm bảo khả năng cấp nước đầy đủ cho nhu cầu dung nước sinh hoạt và chữa cháy khi cần thiết. Xây dựng 1 bể chứa dự trữ để phục vụ cho phòng cháy chữa cháy tại khu vực bãi xe; bố trí các trụ cứu hoả với bán kính phục vụ 150m.

d) Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Lượng nước thải tính toán bằng 80% lượng nước cấp. Hệ thống thoát nước thải được thiết kế tách riêng hệ thống thoát nước mưa. Nước thải được tập trung dẫn vào đường thoát chính và chảy về điểm tiếp nhận tại khu vực cây xanh phía Bắc giáp sông Nhà Bè, công suất $Q = 230 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Nước thải sau khi xử lý đạt theo tiêu chuẩn hiện hành về môi trường trước khi thải ra nguồn tiếp nhận (QCVN 40-2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải CN; QCVN 14-2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt).

- Rác thải: sử dụng bãi rác thải liên huyện tại xã Bàu Cạn, huyện Long Thành.

e) Hệ thống cấp điện:

- Nguồn cấp điện cho dự án là nguồn lưới điện quốc gia qua lưới trung thế 22kV từ trạm biến thế 22/0,4KV - 2x63MVA Nhơn Trạch đặt tại xã Phú Thạnh, thông qua 2 trạm biến thế trong khu vực dự án.

- Tổng nhu cầu dung điện khoảng 3.200 kW.

- Tất cả các tuyến dây và tuyến cáp đi ngầm.

- Chủ đầu tư liên hệ trực tiếp với cơ quan ngành điện để thỏa thuận phương án bố trí, vị trí đấu nối và các chỉ tiêu kỹ thuật.

g) Hệ thống thông tin liên lạc:

- Nguồn từ mạng Viễn thông Đồng Nai – Bưu điện Nhơn Trạch tổ chức hệ thống dây cáp nội bộ đấu nối với các tủ cáp, hộp cáp trong khu vực.

- Tổng dung lượng thuê bao toàn khu khoảng 30 số.

- Mạng lưới cáp trong khu vực đi ngầm trong các tuyến công bề xây dựng mới.

- Chủ đầu tư liên hệ trực tiếp với cơ quan ngành Bưu chính Viễn thông để thỏa thuận vị trí đấu nối và các chỉ tiêu kỹ thuật.

h) Quy hoạch hệ thống cây xanh:

- Hệ thống cây xanh thảm cỏ được tổ chức với các loại cây phù hợp điều kiện thổ nhưỡng địa phương, có màu sắc đẹp tạo cảnh quan chung, thân cây có tán rộng tạo bóng mát, ít gãy đổ, không có mùi hương, không thu hút côn trùng và ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

- Cây xanh được tổ chức theo 03 loại hình cơ bản:

+ Khu hoa viên cây xanh trải dài theo ranh dự án, kênh liên hoàn, đình Phước Lương,... phục vụ nghỉ ngơi, giải trí, cải tạo vi tiểu khí hậu khu vực.

+ Ven sông Nhà Bè và tuyến kênh liên hoàn dọc theo đê Ông Kèo phải có tác dụng chống sạt lở, bảo vệ bờ.

+ Dọc theo hệ thống đường giao thông nội khu có tác dụng tạo cảnh quan.

8. Quy định quản lý

Ban hành quy định quản lý kèm theo đồ án đồ án Quy hoạch chi tiết 1/500 Cảng tổng hợp và Dịch vụ kho bãi tại xã Phú Hữu, huyện Nhơn Trạch gồm: 04 Chương và 17 Điều.

9. Tổ chức thực hiện, nguồn vốn thực hiện

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Thương mại và Dầu khí Thái Bình Dương.

- Nguồn vốn thực hiện dự án: Vốn chủ đầu tư.

- Căn cứ nội dung quy hoạch được phê duyệt Chủ đầu tư khẩn trương thực hiện:

+ Có trách nhiệm phối hợp UBND huyện Nhơn Trạch, UBND xã Phú Hữu thực hiện việc chuyển các mốc lộ giới theo nội dung quy hoạch ra thực địa, quản lý xây dựng theo đúng nội dung hồ sơ đã được duyệt.

+ Lập hồ sơ chấp thuận đầu tư, thiết kế cơ sở trình thẩm tra và phê duyệt theo các quy định theo hiện hành.

Điều 2. Trên cơ sở quy hoạch được duyệt Công ty Cổ phần Thương mại và Dầu khí Thái Bình Dương có trách nhiệm phối hợp cùng UBND huyện Nhơn Trạch, UBND xã Phú Hữu thực hiện:

1. Công bố công khai cho nhân dân và các đơn vị kinh tế xã hội có liên quan trên địa bàn về nội dung quy hoạch, cùng nghiêm chỉnh thực hiện theo quy hoạch đã phê duyệt.

2. Tổ chức lập, trình thẩm định và phê duyệt hồ sơ Nhiệm vụ cắm mốc giới theo quy định. Phối hợp với UBND huyện Nhơn Trạch, UBND xã Phú Hữu tổ chức triển khai cắm các mốc lộ giới theo nội dung quy hoạch ra thực địa, quản lý xây dựng theo đúng nội dung hồ sơ đã được duyệt. Hồ sơ cắm mốc giới trước khi phê duyệt phải được Sở Xây dựng chấp thuận đảm bảo tuân thủ đúng quy hoạch chi tiết được duyệt và phù hợp với hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào.

3. Căn cứ vào quy hoạch được duyệt, chủ đầu tư thực hiện lập các thủ tục tiếp theo trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi tổ chức thi công các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch, việc đầu tư xây dựng các hạng mục theo quy định hiện hành,.

4. Trong quá trình lập dự án đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật cần

liên hệ với các chuyên ngành: Giao thông, cấp nước, cấp điện, bưu chính viễn thông, công an phòng cháy chữa cháy,... để xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật phù hợp với hệ thống đầu nối hạ tầng chung tại khu vực.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giao thông Vận tải, Chủ tịch UBND huyện Nhơn Trạch, Chủ tịch UBND xã Phú Hữu, Công ty Cổ phần Thương mại và Dầu khí Thái Bình Dương, Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng (CNN);
- Lưu: VT, CNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

